

Số TT	Tên đơn vị	Tổng số kinh phí thu hồi dự toán năm 2026 đã phân bổ đối với các đơn vị trường học thực hiện sắp xếp, sáp nhập	Bao gồm																
			Dự toán giao đầu năm												Dự toán bổ sung trong năm				
			Tổng dự toán giao đầu năm 2026	Kinh phí giao tự chủ (Nguồn 13)				Kinh phí giao không tự chủ (Nguồn 12)						Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/ND-CP (Biên chế + HDLD)	Tổng Kinh phí bổ sung trong năm	Trong đó: Kinh phí giao tự chủ (Nguồn 13)		Kinh phí chuyển nguồn năm 2025 sang 2026	Dự toán giữ lại theo QĐ số 256/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của UBND xã Châu Sơn, tiết kiệm chi 5% theo Nghị quyết 135/NQ-CP
				Quỹ lương biên chế; Hợp đồng giáo viên, nhân viên; (Đã trừ nguồn 40% CBHIP)	Kinh phí dạy lớp ghép cấp tiểu học năm 2026	Chế độ cho Giáo viên dạy thể dục	Chi khác theo định mức (đã trừ 10% Tiết kiệm chi thường xuyên đầu năm, giảm trừ theo Biên bản quyết toán; cắt giảm tiết kiệm chi theo Nghị quyết 135)	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/ND-CP kỳ II năm học 2025-2026	Cấp bù tiền miễn, giảm học phí theo Nghị định 238/2025/ND-CP kỳ II năm học 2025-2026 (Đã trừ 40% thực hiện CCTL)	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/ND-CP		Chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDDT-BLĐTBXH - BTC (Chi mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập năm học 2025-2026)	Chính sách hỗ trợ học sinh và Trường phổ thông theo Nghị định số 66/2025/ND-CP (Kỳ II 2025-2026)			Nhu cầu kinh phí vượt giới cho giáo viên dạy học sinh lớp một, năm học 2025-2026	Chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy Học sinh khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/ND-CP		
A	B	1=2+14+17	2=3+4+.....+13+18	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=15+16	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG	49.079,77640	48.849,2840	39.217,5670	148,2980	86,020	4.537,6460	430,50	1.040,70	20,250	128,80	18,0	1.159,290	1.939,5970	187,6540	32,3230	155,3310	42,83840	122,6160
1	Trường Mầm non Châu Sơn	4.812,396	4.812,3960	3.802,530			445,452	64,500	120,000	9,000	69,600		105,210	177,156	-				18,948
2	Trường Mầm non Cường Lợi	5.722,134	5.722,1340	4.653,710			568,032	29,250	139,500	4,500	36,000		36,072	230,902	-				24,168
3	Trường Mầm non Bắc Lãng	5.215,131	5.213,7310	4.263,214			535,000	21,750	122,400	6,750	23,200		24,048	212,369	-			1,400	5,000
4	Trường Tiểu học Châu Sơn	5.839,132	5.688,9170	4.484,430	131,134	21,018	466,325	115,500					238,464	210,571	150,215	32,323	117,892		21,475
5	Trường Tiểu học Đồng Thắng	4.000,250	4.000,2500	3.344,693		11,190	378,390	22,500					77,760	157,107	-				8,610
6	Trường TH&THCS Cường Lợi	9.143,970	9.142,7260	7.500,303		28,932	854,936	18,000	178,200				155,520	386,971	-			1,244	19,864
7	Trường TH&THCS Bắc Lãng	9.514,890	9.437,2570	7.557,171	17,164	15,328	870,662	67,500	217,800			18,000	285,120	380,512	37,439		37,439	40,194	8,000
8	Trường PTDTBT THCS Châu Sơn	4.831,873	4.831,8730	3.611,516		9,552	418,849	91,500	262,800				237,096	184,009	-				16,551

DVT: Triệu đồng

TỔNG HỢP DỰ TOÁN SAU KHI THU HỒI CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC NĂM 2026 SAU SÁP NHẬP
(Kèm theo Nghị quyết số: 26 /NQ-HDND ngày 28 /8/2026 của HDND nhân dân xã Châu Sơn)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	DỰ TOÁN ĐÃ ĐƯỢC HDND XÃ GIAO ĐẦU NĂM 2026 (Nguồn tại xã chưa phân bổ)	TỔNG DỰ TOÁN THU HỒI SAU SÁP NHẬP	Dự toán HDND xã giao			Số còn lại chưa phân bổ chi tiết			Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó		Tổng Số còn lại chưa phân bổ chi tiết	Trong đó			
					Trường Mầm non Châu Sơn	Trường Tiểu học Châu Sơn		Trường THCS Châu Sơn	Nguồn tại xã đầu năm được HDND xã giao, chưa phân bổ		Nguồn thu hồi từ đơn vị sự nghiệp giáo dục thực hiện sắp xếp, sáp nhập nhưng chưa phân bổ lại cho các đơn vị
A	B	1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9	8=1	9=2-3	10
	TỔNG SỐ CHI NGÂN SÁCH XÃ (A+B)	5.160,0620	49.079,77640	17.379,9550	6.524,4500	6.846,6560	4.008,8490	36.859,88340	5.160,06200	31.699,82140	
	Sự nghiệp Giáo dục	5.160,06200	49.079,77640	17.379,95500	6.524,45000	6.846,65600	4.008,84900	36.859,88340	5.160,06200	31.699,82140	
I	Chi thường xuyên	3.894,93300	44.144,47000	16.625,00000	6.090,00000	6.668,00000	3.867,00000	31.414,40300	3.894,93300	27.519,47000	
1	Quỹ lương (biên chế + hợp đồng)+ chi khác	3.894,9330	44.144,4700	16.625,000	6.090,0	6.668,0	3.867,0	31.414,403	3.894,9330	27.519,470	
II	Chi không thường xuyên	1.265,129	4.935,306	754,955	434,450	178,656	141,849	5.445,480	1.265,129	4.180,351	Số còn lại chưa phân bổ 36.859.883.400 đồng bao gồm cả số đã chi của các đơn vị đến ngày 17/8/2026 trước sáp nhập. Giữ lại tại ngân sách xã để phân bổ cho các đơn vị quyết toán 8 tháng đầu năm.
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo Nghị định số 28/2012/ND-CP của Chính phủ	130,669	155,331	-				286,000	130,669	155,331	
1.2	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/ND-CP ngày 8/9/2020 của Chính phủ	108,95	149,05	101,120	101,120			156,880	108,950	47,930	
1.3	Chính sách hỗ trợ học sinh và Trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 66/2025/ND-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	1.024,71	1.159,29	257,335	118,23	87,16	51,95	1.926,665	1.024,710	901,955	
1.4	Miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/ND-CP của Chính Phủ (bao gồm cả bổ sung có mục tiêu)	0,8	1.471,2	396,500	215,100	91,500	89.900	1.075,500	0,800	1.074,700	
1.5	Chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT- BLĐTBXH - BTC ngày 31/12/2013		18	-				18,000	-	18,000	
1.6	Tiền thưởng Nghị định 73/2024		1.939,597	-				1.939,597	-	1.939,597	
1.7	Kinh phí chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026		42,838400	-				42,838	-	42,838	

BIỂU GIAO DỰ TOÁN CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH HỌC SINH NĂM 2026 SAU SÁP NHẬP
 (Kèm theo Nghị quyết số: 26/NQ-HĐND ngày 28 /8/2026 của HĐND nhân dân xã Châu Sơn)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Các chế độ, chính sách							Dự toán năm 2026	Ghi chú
		Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP			Hỗ trợ trẻ em nhà trẻ bán trú; HSBT theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP	Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ số 238/2025/NĐ-CP	Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP (Bổ sung)	Hỗ trợ HS Khuyết tật theo NĐ 42		
		Tổng NĐ105	Hỗ trợ trẻ ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	Lớp ghép theo NĐ 105/NĐ-CP						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	9	10
	Tổng cộng	101,120	101,120	-	257,335	252,900	143,600	-	754,955	-
1	Trường Mầm non Châu Sơn	101,120	101,120		118,230	95	120		434,450	
2	Trường Tiểu học Châu Sơn	-			87,156	91,5			178,656	
3	Trường Trung học Cơ sở Châu Sơn				51,949	66,3	23,60		141,849	

BIỂU GIAO KINH PHÍ QUỸ TIỀN LƯƠNG NĂM 2026 SAU SÁP NHẬP

(Kèm theo Nghị quyết số: 26 /NQ-HDND ngày 28/8/2026 của HDND nhân dân xã Châu Sơn)

ĐVT: Triệu đồng

	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP ĐẾN 1/8/2026 (Phân theo theo số lượng trước sáp nhập)	HỢP ĐỒNG (Phân theo theo số lượng trước sáp nhập, số giao đầu năm)	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 8/2026 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/ND-CP												KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG 4 THÁNG CUỐI NĂM 2026 ĐƯỢC SỬ DỤNG	CHI KHÁC CÒN ĐƯỢC SỬ DỤNG	GHI CHÚ
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP	Trong đó								CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN			
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC				
1	2	3	4	5 = 6 + 7 + 16	6	7= 8 +... +15	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=5*4T	18	19
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	173	26	3.624,494	1.532,217	1.330,686	202,410	35,802	2,600	846,225	-	9,126	229,493	3,586	391,265	14.498	2.127	
1.1	Giáo dục	173	26	3.624,494	1.532,217	1.330,686	202,410	35,802	2,600	846,225	-	9,126	229,493	3,586	391,265	14.498	2.127	
1.1.1	Trường Mầm non Châu Sơn	58	15	1.337,660	456,053	396,767	67,860	14,742	0,700	270,049	-	-	62,911	0,468	130,052	5.351	739	
1.1.2	Trường Tiểu học Châu Sơn	72	5	1.451,740	669,846	608,850	84,240	12,051	1,900	387,751	-	9,126	121,058	1,714	173,044	5.807	861	
1.1.3	Trường Trung học Cơ sở Châu Sơn	43	6	835,094	406,318	325,070	50,310	9,009	-	188,425	-	-	45,524	1,404	88,169	3.340	527	